

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 01 /GPMT-UBND

Đồng Phú, ngày 22 tháng 3 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật: QCVN 07-10:2016/BXD - Công trình nghĩa trang;

Căn cứ Công văn số 1159/STNMT-CCBVMT ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ý kiến hướng dẫn thực hiện hồ sơ môi trường của dự án Nghĩa trang nhân dân huyện Đồng Phú;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 02/CVMT-HHL ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Công ty TNHH Một thành viên Hoàng Hải Long về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo giấy phép môi trường dự án Nghĩa trang nhân dân huyện Đồng Phú, diện tích 28,83 ha với 10.454 ô mộ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 859/TTr-TNMT ngày 16 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên Hoàng Hải Long, địa chỉ trụ sở chính: 131, đường ĐT 741, ấp Minh Tân, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nghĩa trang nhân dân huyện Đồng Phú, diện tích 28,83 ha với 10.454 ô mộ, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nghĩa trang nhân dân huyện Đồng Phú, diện tích 28,83 ha với 10.454 ô mộ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.



1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số 3801045689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 8 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 3801045689.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng nghĩa trang nhân dân.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Diện tích 28,83 ha với 10.454 ô m².

- Quy mô: Tổng mức đầu tư dự án: 53.393.000.000 đồng. Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công - Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ).

- Công suất: Diện tích 28,83 ha với 10.454 ô m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Một thành viên Hoàng Hải Long:

1. Công ty TNHH Một thành viên Hoàng Hải Long có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Một thành viên Hoàng Hải Long có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép

môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Văn phòng HĐND và UBND huyện đăng công khai nội dung giấy phép môi trường này lên trang thông tin điện tử của UBND huyện. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Tân Hưng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

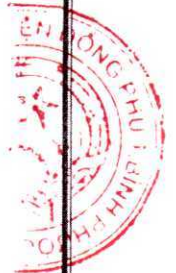
- Công ty TNHH Một thành viên Hoàng Hải Long;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Trang Thông tin điện tử UBND huyện;
- UBND xã Tân Hưng;
- LĐVP, CV: MC, KT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoa Văn Đình



Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ... /GPMT-UBND
ngày 22 tháng 3 năm 2023 của UBND huyện Đồng Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của nhân viên, khách viếng mộ; lưu lượng tối đa: 3,6 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 2: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải, lưu lượng tối đa: 4 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 3: Nước xả cặn bể cấp nước làm mát, lưu lượng tối đa: 4 m³/ngày đêm (01 tháng xả 01 lần).

Nguồn số 1, nguồn số 2 và nguồn số 3 nhập chung vào hệ thống xử lý nước thải tập trung và cùng xả ra 01 điểm xả.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối không tên giáp ranh phía Bắc dự án, một nhánh của suối Chai sau đó chảy về suối Rạch Rạt.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 577.794; Y: 1.271.633 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰15', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 11,6 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số k = 1 (theo quy định tại mục 2.3.3 QCVN 07-10:2016/BXD); cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	--	5 - 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	BOD ₅	mg/L	50		
3	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20		
4	TSS	mg/L	100		
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	10		
6	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
7	Phosphat	mg/L	10		
8	Tổng Coliforms	Vi khuẩn/ 100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa:

Nước mưa trong khu vực nghĩa trang được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy. Mương được xây bằng đá hộc 40x40cm với chiều dài 5.864m và mương được xây bằng đá hộc 80 x 80 cm với chiều dài 762m; Cống tròn BTCT ly tâm D400 chịu lực có chiều dài 120m và cống tròn BTCT ly tâm D800 chịu lực với chiều dài 55m; 179 hố ga có nắp đậy chạy quanh khuôn viên nghĩa trang, hệ thống mương thoát nước có độ dốc $i = 0,002$.

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống xử lý nước thải chung.

Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt của nhân viên và khách viếng mộ, lưu lượng tối đa là: 3,6 m³/ngày đêm; Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải, lưu lượng tối đa 04 m³/ngày đêm; Nước xả cặn bể cấp nước làm mát, lưu lượng tối đa 04 m³/ngày đêm (01 tháng xả 01 lần).

Nước thải sinh hoạt của công nhân viên được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn; sau đó, thu gom, đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Nghĩa trang, chủ dự án xây dựng 03 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích mỗi bể là 10 m³. Nước thải sản xuất được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.đêm.

Mạng lưới thu gom nước thải: Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải chung bằng ống HDPE D20 với tổng chiều dài khoảng 1.000m; Nước thải sau khi xử lý khí thải từ lò hòa táng dẫn từ bể chứa về hệ thống xử lý nước thải chung bằng các bơm nước và ống HDPE D20 với chiều dài khoảng 200m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

- Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn (03 bể, tổng thể tích 30 m³) → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất.

1.2.2. Nước thải sản xuất:

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn, Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải, Nước xả cặn bể cấp nước làm mát → Bể điều hòa → Bể lắng → Bồn lọc → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (suối không tên giáp dự án).

- Công suất thiết kế: 20m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine (0,3 kg/ngày).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các đường dẫn thoát nước mưa, nước thải và hệ thống xử lý nước thải; chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí tại trước và sau hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép:

Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số k = 1, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	--	5- 9
2	BOD ₅	mg/L	50
3	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20
4	TSS	mg/L	100
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
6	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
7	Phosphat	mg/L	10
8	Tổng Coliforms	Vi khuẩn/100 ml	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả của từng công trình, thiết bị xử lý nước thải: 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và mẫu tổ hợp đầu ra); thời gian đánh giá là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án đảm bảo xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số k = 1 trước khi thải ra môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/22 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 01/GPMT-UBND
ngày 22 tháng 3 năm 2023 của UBND huyện Đồng Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải từ hoạt động xử lý khí thải từ lò hỏa táng số 1 (đang hoạt động).
- Nguồn số 2: Khí thải từ hoạt động xử lý khí thải từ lò hỏa táng số 2 (dự kiến đi vào hoạt động vào năm 2025).
- Nguồn số 3: Khí thải từ hoạt động xử lý khí thải từ lò hỏa táng số 3 (dự kiến đi vào hoạt động vào năm 2030).
- Nguồn số 4: Khí thải từ hoạt động xử lý khí thải từ lò hỏa táng số 4 (dự kiến đi vào hoạt động vào năm 2030).
- Nguồn số 5: Máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Nguồn số 1: $X_1: 577.766; Y_1: 1.271.564$
 - Nguồn số 2: $X_2: 577.754; Y_2: 1.271.567$
 - Nguồn số 3: $X_3: 577.772; Y_3: 1.271.591$
 - Nguồn số 4: $X_4: 577.784; Y_4: 1.271.580$
 - Nguồn số 5: $X_5: 577.756; Y_5: 1.271.550$
- (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^0 15'$, múi chiếu 3^0).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn số 1, 2, 3, 4: $3.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ đối với mỗi lò hỏa táng
- Nguồn số 5: $360 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Nguồn số 1, 2, 3, 4 (Các lò hỏa táng): Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói thải, xả thải liên tục khi hoạt động.

- Nguồn số 5 (Máy phát điện): Gián đoạn (chỉ phát sinh khi chạy máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải các lò hỏa táng trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 02:2012/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế (theo quy định tại mục 2.3.3, QCVN 07-10:2016/BXD), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/ lần	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Bụi	mg/Nm ³	150		
3	SO ₂	mg/Nm ³	300		
4	NO _x	mg/Nm ³	500		
5	CO	mg/Nm ³	350		

Chất lượng khí thải máy phát điện trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($k_p = 1, k_v = 1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	240	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	CO	mg/Nm ³	1.200		
3	SO ₂	mg/Nm ³	600		
4	NO _x	mg/Nm ³	1.020		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ lò hóa táng:

Nguồn khí thải được thu gom bằng quạt hút đưa vào hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải từ lò hóa táng:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ lò hỏa thiêu (Bụi, khí thải) → Tháp giảm nhiệt → Bể nước (có châm dung dịch kiềm) → tháp hấp thụ → khí thải thoát ra môi trường qua ống khói thải cao 20m.

- Công suất thiết kế: 3.000 m³/giờ (Hệ thống xử lý khí thải lắp đặt riêng cho từng lò hỏa thiêu).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch kiềm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng các hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý bụi, khí thải; chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý.

- Trong quá trình vận hành, khi có sự cố phải dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, báo cáo cơ quan có chức năng và tìm nguyên nhân, sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng hoạt động cho tới khi khắc phục xong sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi trường không khí. Lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Thuộc đối tượng không phải thực hiện vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty TNHH một thành viên Hoàng Hải Long chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 04 /GPMT-UBND
 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của UBND huyện Đồng Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn thải: Máy phát điện dự phòng

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực: 106°15' và múi chiều: 3°): X = 577.756; Y = 1.271.550.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly, đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung;

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 01 /GPMT-UBND
ngày 22 tháng 3 năm 2023 của UBND huyện Đồng Phú)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in văn phòng	Rắn	08 02 01	2
2	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 03	15
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	5
4	Bao bì mềm thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	20
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	25
6	Son, mực, chất kết dính có các thành phần nguy hại	Lỏng	16 01 09	10
Tổng cộng				77

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn trong hoạt động tang lễ thông thường phát sinh thường xuyên:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của dự án khoảng 200 kg/ngày, bao gồm: Bao nilong, các loại giấy tiền vàng bạc, trướng, liễn từ hoạt động tang lễ, ...; bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải; tro xỉ từ lò hỏa táng,...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 25 kg/ngày, bao gồm: Chất thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), chất thải vô cơ (nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: 05 thùng nhựa HDPE (có nắp đậy), thể tích 60 lít, có dán tên và mã số phân loại.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 15 m² bố trí trong nhà hỏa thiêu.

Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, mái che, nền bê-tông, xung quanh có gờ chống chảy tràn. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được gắn biển cảnh báo nguy hiểm, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: 06 thùng chứa HDPE (có nắp đậy) dung tích 120 lít; 01 thùng HDPE (có nắp đậy) dung tích 240 lít và 02 bao PP chống thấm.

- Khu vực lưu chứa trong nhà: Diện tích 15m² trong nhà hỏa táng và Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường để thu gom và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng nhựa xung quanh khu vực dự án, cụ thể: 02 thùng 25 lít đặt tại khu vực nhà vệ sinh, 01 thùng 50 lít đặt tại khu vực văn phòng.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 10 m² tại phía Bắc khuôn viên Nghĩa trang và Hợp đồng với đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường để thu gom và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 01 /GPMT-UBND
ngày 22 tháng 3 năm 2023 của UBND huyện Đồng Phú)

1. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về UBND huyện Đồng Phú, Phòng Tài nguyên và Môi trường, trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về UBND huyện Đồng Phú, Phòng Tài nguyên và Môi trường, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

Thực hiện các quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh phải thực hiện đúng các quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật liên quan./.